

## BÁO CÁO

### Về việc thực hiện công khai năm học 2017 - 2018

Thực hiện Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) về việc ban hành Quy chế công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; căn cứ vào công văn số 1876/ĐHTN ngày 29/9/2017 của Giám đốc ĐHTN về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế công khai năm học 2017 - 2018 Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) ban hành, Trường đại học Kỹ thuật Công nghiệp báo cáo thực hiện công khai năm học 2017 – 2018 như sau:

#### PHẦN 1

### CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ

#### 1.1. Mô tả thực trạng

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là một trường Đại học công lập, đa ngành; đào tạo tiến sỹ, thạc sỹ kỹ thuật, các hệ đại học chính quy, các hệ đào tạo liên thông lên đại học cấp bằng chính quy. Năm 2009, trường là một trong 20 trường Đại học đầu tiên của cả nước được hội đồng quốc gia Kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài và được BGD&ĐT công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng. Năm 2017, trường đã hoàn thành đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học lần 2 và nhận “giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục – đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành” với kết quả 83,6% số tiêu chí đạt yêu cầu.

Với bề dày kinh nghiệm trên 50 năm trong lĩnh vực đào tạo, hiện nay Nhà trường đang đào tạo 19 ngành đại học trong đó có 16 ngành đào tạo đại trà (gồm 27 chương trình đào tạo); 02 ngành đào tạo theo chương trình tiên tiến (ngành Kỹ thuật Cơ khí và ngành Kỹ thuật Điện) và 01 chuyên ngành kỹ thuật điện tử giảng dạy bằng tiếng anh liên kết với trường Đại học Quốc gia Kyungpook, Hàn Quốc; 09 chuyên ngành đào tạo sau đại học (trong đó có 07 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sỹ và 02 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sỹ). Trường có 09 khoa và 01 bộ môn trực thuộc trường trong đó có 08 khoa đào tạo chuyên môn: Cơ khí, Điện, Điện tử, Xây dựng và Môi trường, Kỹ thuật Ô tô và Máy động lực, Kinh tế Công nghiệp, Sư phạm Kỹ thuật và Quốc tế; 01 trung tâm thực nghiệm và 01 viện nghiên cứu công nghệ cao để sinh viên đến học tập và nghiên cứu KH; Với đội ngũ gần 400 giảng viên trong đó, hơn 90% có trình độ từ thạc sỹ trở lên. Cán bộ giảng viên của trường có trình độ cao, kinh nghiệm

giảng dạy lâu năm, có nhiều công trình nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hiệu quả, có các công bố khoa học trên tạp chí quốc tế danh tiếng.

Tính đến tháng 3 năm 2018, trường có hơn 6.000 sinh viên, học viên đang theo học tại trường trong các chuyên ngành kỹ thuật mũi nhọn như: Cơ khí Chế tạo máy, Cơ khí luyện kim cán thép, Hệ thống điện, Thiết bị điện, Điện tử viễn thông, Kỹ thuật điều khiển, Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, Quản trị doanh nghiệp công nghiệp,... Nhiều cựu sinh viên của trường được xã hội và doanh nghiệp đánh giá cao, một số đã và đang được đào tạo tại các nước phát triển hoặc đảm nhiệm những vị trí quan trọng tại các tập đoàn, doanh nghiệp hàng đầu Việt nam.

Từ năm 2011, nhà trường đã thay đổi phương thức đào tạo, thay đổi hình thức thực hành, thực tập và thi cử nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo của xã hội, điều hành quản lý đào tạo, đồng thời đổi mới công tác dạy và học. Nhà trường đã điều chỉnh trên 26 chương trình đào tạo, chương trình đào tạo hệ kỹ sư chỉ còn 4,5 năm, các bài tập thực hành, thực tập đều được thay đổi về mặt nội dung nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên và đáp ứng nhu cầu xã hội.

Về cơ sở vật chất, hiện nay trường có 72 giảng đường, trong đó có 1 giảng đường 300 chỗ ngồi, 6 giảng đường 200 chỗ ngồi, 3 giảng đường 150 chỗ ngồi, 62 giảng đường từ 50 - 100 chỗ ngồi. Tất cả các giảng đường của trường đều được trang bị các thiết bị hỗ trợ giảng dạy hiện đại như máy tính, tăng âm, projector, overhead, hệ thống kết nối internet không dây, máy chiếu data show. Nhà trường có các trung tâm để hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình học tập tại trường: 01 trung tâm tư vấn sinh viên (thuộc phòng CT HS-SV); 01 trung tâm sáng tạo sản phẩm và 01 trung tâm tư vấn Tiếng anh sinh viên (thuộc khoa Quốc tế). Trung tâm Thông tin - Thư viện có nguồn sách trong nước và nước ngoài phong phú; 06 nhà ký túc xá 5 tầng, 03 nhà ký túc xá 4 tầng (tổng số 624 phòng), 01 nhà ăn, căng tin, sân thể thao, khu liên hợp dịch vụ nhằm ngày càng đáp ứng nhu cầu của sinh viên và giảng viên, CBVC nhà trường. Với 3 nhà làm việc của giảng viên có không gian rộng rãi, để làm việc và tiếp xúc với sinh viên ngoài giờ lên lớp, giúp giảng viên có thời gian tư vấn, hướng dẫn bài tập, đồ án trực tiếp cho sinh viên.

## **1.2. Những điểm mạnh, những điểm tồn tại**

### *1.2.1. Những điểm mạnh*

Đội ngũ giảng viên có trình độ cao, có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, nhiều cán bộ giảng viên được đào tạo bài bản ở nước ngoài.

Phương pháp đào tạo đa dạng, hiện đại. Nhà trường liên tục cập nhật và phát triển nội dung, phương pháp đào tạo tiên tiến nhằm đáp ứng những yêu cầu thực tiễn của xã hội, doanh nghiệp.

Giảng viên biên soạn bài giảng từ sách, giáo trình tiếng anh. Các tài liệu học tập, bài tập về nhà đều được giao, chăm và công bố điểm trên hệ thống E-LEARNING của Nhà trường.

Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận bao gồm: điểm kiểm tra quá trình, điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm bài tập, nhiệm vụ về nhà; điểm đánh giá phần thực hành; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần. Trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số là 60% ( trừ chương trình tiên tiến). Mỗi học kỳ chính Nhà trường tổ chức 2 lần kiểm tra quá trình và 1 lần kiểm tra đối với học kỳ phụ. Kế hoạch kiểm tra quá trình được lập ngay đầu mỗi học kỳ.

Môi trường học tập sạch, đẹp, tiện nghi.

Hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường ngày càng được quan tâm mở rộng và đạt được thành tích tốt.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hành, thực tập được củng cố và phát triển.

### *1.2.2. Những điểm tồn tại*

Chất lượng điểm đầu vào của các ngành mũi nhọn và chỉ tiêu tuyển sinh mặc dù đã cao hơn so với những năm trước song vẫn thấp hơn so với mặt bằng chung nên cũng có khó khăn cho việc đảm bảo chất lượng thực tế.

Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho công tác thực hành, thí nghiệm mặc dù đã được cải tiến song vẫn còn nhiều bất cập dẫn đến kỹ năng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp của sinh viên chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội;

Tổ chức quản lý sinh viên trong công tác đào tạo còn một số bất cập, sinh viên chưa chủ động trong việc học tập và nghiên cứu dẫn đến kết quả học tập chưa cao.

Công tác khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra chưa bài bản dẫn đến hiệu quả chưa cao.

### **1.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tập trung phát triển nguồn lực giảng viên; đảm bảo giảng viên xứng đáng là người thầy về mọi mặt, là người tư vấn tốt cho sinh viên.

Nâng cao chất lượng sinh viên từ đầu vào bằng việc nâng cao chất lượng tuyển sinh.

Tăng cường và khai thác tối đa sự hỗ trợ của các đối tác trong và ngoài nước, của cựu cán bộ, sinh viên của trường.

Đổi mới công tác nghiên cứu khoa và chuyển giao công nghệ, thí nghiệm thực hành.

Nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập như: giảng đường, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, thư viện, ký túc xá.

Công tác thi và kiểm tra tiếp tục được chấn chỉnh và thực hiện nghiêm túc, khách quan.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy.

Rà soát bổ sung quy định về việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra từ đó có căn cứ để cập nhật điều chỉnh các chương trình đào tạo.

Tìm hiểu kỹ yêu cầu thực tế và các cơ hội việc làm của sinh viên khi ra trường để xây dựng chương trình đào tạo sát với thực tế.

## PHẦN 2

### CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

#### 2.1. Mô tả thực trạng

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp tọa lạc trên một khuôn viên rộng lớn, là một quần thể thống nhất bao gồm giảng đường, thư viện, ký túc xá, nhà ăn, căng tin, sân thể thao,... với tổng diện tích là 50 ha trong đó diện tích sàn xây dựng là 68.857m<sup>2</sup>.

Hệ thống giảng đường gồm 1 giảng đường 300 chỗ ngồi, 6 giảng đường 200 chỗ ngồi, 3 giảng đường 150 chỗ ngồi, 62 giảng đường từ 50 đến 100 chỗ ngồi. Tất cả các giảng đường của trường đều được trang bị các thiết bị hỗ trợ giảng dạy hiện đại như máy tính, tăng âm, projector, hệ thống kết nối internet không dây, máy chiếu data show....

Thư viện của Nhà trường có diện tích 3470 m<sup>2</sup> với 05 phòng đọc, 03 phòng mượn, 01 phòng nghiệp vụ, hơn hệ thống máy vi tính kết nối Internet phục vụ công tác quản lý điều hành, giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Ngoài các đầu sách có ở thư viện cán bộ, giảng viên và sinh viên của trường có thể tra cứu tài liệu học tập và nghiên cứu tại nguồn học liệu online <http://lhtv.vista.vn/>. Ngoài ra, cán bộ và sinh viên của Nhà trường được sử dụng và tham khảo nguồn tài liệu tại Trung tâm học liệu - Đại học Thái Nguyên. Đây là 1 trong 3 trung tâm học liệu hiện đại nhất Việt Nam do tổ chức Đông tây hội ngộ, Hoa Kỳ tài trợ.

Trường có 01 trung tâm phục vụ công tác thực hành với 02 xưởng thực hành, 01 viện nghiên cứu CNC về KTCN gồm 03 phòng thí nghiệm nghiên cứu và 18 phòng thí nghiệm do các Khoa quản lý phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu của sinh viên, học viên sau đại học và giảng viên. Hệ thống trang thiết bị được bổ sung hoàn thiện theo các mô hình của các trường đại học tiên tiến trên thế giới.

Hiện nay khu ký túc xá của nhà trường có 9 nhà KTX thỏa mãn yêu cầu chỗ ở và sinh hoạt cho hơn 3000 sinh viên. Ký túc xá được bố trí ngay cạnh khu nhà làm việc của các giảng viên nhằm tạo điều kiện thuận tiện nhất cho việc học tập của sinh viên. Ký túc xá đảm bảo đầy đủ tiện nghi, sân chơi, có phòng sinh hoạt tập thể. Đây là những điểm nhấn khác biệt so với hầu hết các khu ký túc xá sinh viên khác. Ngoài ra Nhà trường còn có khu nhà lọc nước tinh khiết cấp nước uống miễn phí cho sinh viên, giảng viên và cán bộ viên chức trong trường.

Khu dịch vụ tổng hợp có diện tích 2.500 m<sup>2</sup>, có thể phục vụ được hàng ngàn sinh viên một lúc, hệ thống dịch vụ phục vụ có khả năng phục vụ nhu cầu sinh hoạt của đa số sinh viên của trường.

Khu thể thao gồm Sân vận động, nhà thi đấu, sân tennis được thiết kế độc lập, ngay cạnh trường, có thể phục vụ tốt các hoạt động ngoại khóa của sinh viên.

#### 2.2. Những điểm mạnh, điểm tồn tại

### *2.2.1. Những điểm mạnh*

Môi trường công tác, giảng dạy, học tập cho từng giảng viên, sinh viên của trường thật sự hiện đại, tiện lợi, phù hợp. Các trang thiết bị thực hành, thí nghiệm được quan tâm đầu tư giúp cho việc cập nhật và gắn kết từng vấn đề lý thuyết với thực tiễn.

Điều kiện sinh hoạt, học tập của sinh viên được quan tâm tối đa.

Đội ngũ cán bộ giảng viên và quản lý có kinh nghiệm, trình độ cao và luôn được tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ chuyên môn và ngoại ngữ đáng ứng nhu cầu đào tạo theo yêu cầu của xã hội.

### *2.2.2. Những điểm tồn tại*

Các thiết bị còn chưa đồng bộ, vẫn còn trang thiết bị chưa khai thác sử dụng hết công suất trong khi việc mở rộng quy mô và chất lượng đào tạo phải gắn với đầu tư cơ sở vật chất.

Số giảng viên là Tiến sỹ, Phó giáo sư chưa cao chỉ vào khoảng 16,7%.

## **2.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường đã và đang triển khai chương trình hành động nhằm đảm bảo tốt cơ sở vật chất cho sinh viên sinh hoạt và học tập trong ký túc xá của nhà trường; phát triển khuôn viên ký túc xá và khu làm việc của giảng viên, khu liên hợp dịch vụ theo hướng: mới, đẹp, hiện đại và tiện lợi đảm bảo đáp ứng yêu cầu học tập và giảng dạy.

Tiếp tục đầu tư thay thế các thiết bị cũ.

Đầu tư xây dựng, mở rộng hệ thống thư viện để tạo điều kiện cho sinh viên học tập tốt hơn.

Tiếp tục hoàn thiện đội ngũ cán bộ, giảng viên đảm bảo về số lượng và chất lượng: tuyển dụng giảng viên có bằng khá, giỏi (ưu tiên người có bằng thạc sỹ, tiến sỹ). Các giảng viên trong độ tuổi quy định phải đạt chuẩn tiếng anh theo quy định của Nhà trường. Tạo điều kiện, khuyến khích giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiên cứu khoa học và ngoại ngữ bằng các chính sách tài chính.

## **PHẦN 3 TÀI CHÍNH**

### **3.1. Mô tả thực trạng**

Công tác tài chính lập dự toán từng năm, xây dựng kế hoạch chi tiết theo từng quý, tháng, thực hiện tốt và có hiệu quả các hoạt động thu, chi.

Các khoản thu, chi được thực hiện đúng các văn bản quy định của Nhà nước, đảm bảo đúng mục đích, hợp lý, tiết kiệm, theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ.

Bảo đảm tài chính đáp ứng các hoạt động, thực hiện tốt sứ mệnh của Nhà trường.

### **3.2. Những điểm mạnh, những điểm tồn tại**

#### *3.2.1. Những điểm mạnh*

Công tác Kế hoạch, Tài chính: đã xây dựng kế hoạch và dự toán chi tiết các hoạt động của Nhà trường từng năm. Quy trình xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ được các đơn vị thảo luận kỹ, thông qua Hội nghị CBVC, đảm bảo tính khoa học, chặt chẽ,

cụ thể, đã góp phần cho công tác quản lý tài chính thuận lợi, hiệu quả và đúng pháp luật.

Đảm bảo tài chính nâng cao chất lượng đào tạo, các chế độ khuyến khích học tập và nghiên cứu khoa học đối với sinh viên.

Thực hiện công khai minh bạch các khoản thu, chi và quyết toán thuế TNCN với tất cả CBVC của Nhà trường.

Thu học phí theo đúng mức quy định của Nhà nước, thông báo công khai mức thu học phí tới từng sinh viên trước khi triển khai thu học phí.

Tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên và phụ huynh sinh viên trong việc thu, nộp học phí bằng cách thực hiện tốt công tác ủy quyền cho Ngân hàng thu học phí qua thẻ ATM của sinh viên.

### 3.2.2. Những điểm tồn tại

Cần tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục trong công tác tài chính.

### 3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch, dự toán chi tiết và cụ thể hóa theo từng tháng, từng năm để triển khai thực hiện tiết kiệm hiệu quả hơn nữa.

Ưu tiên tài chính cho các điều kiện sinh hoạt học tập của sinh viên, các hoạt động chuyên môn để nâng cao chất lượng đào tạo.

Đảm bảo tài chính cho các hoạt động tạo môi trường học tập, nghiên cứu khoa học, thể dục thể thao, sinh hoạt tập thể... cho sinh viên.

Thực hiện tốt công khai minh bạch tài chính theo đúng các quy định của Nhà nước và của Đại học Thái Nguyên.

## PHẦN 4

### BÁO CÁO TỪNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC

#### 4.1. Chương trình đào tạo Chuyên ngành Thiết kế và chế tạo cơ khí

##### 4.1.1 Mô tả thực trạng

Chương trình đào tạo Chuyên ngành Thiết kế và chế tạo cơ khí được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 154 tín chỉ. Đến khóa K53 (tuyển sinh năm 2017) nhà trường đã tăng số tín chỉ lên 178 với mục đích tăng phần kỹ năng thực hành, thí nghiệm và làm bài tập lớn để đáp ứng với yêu cầu của nhà tuyển dụng trong khi đó khối lượng lý thuyết và học phí vẫn giữ nguyên.

Chương trình đào tạo kỹ sư chuyên ngành Thiết kế và chế tạo cơ khí có tính toàn diện, hiện đại, gắn kết với thực hành, thí nghiệm chuyên sâu về thiết kế cơ khí và có tính liên ngành cho sinh viên, nhằm chuẩn bị cho sự nghiệp thành công trong môi trường làm việc chuyên nghiệp và năng động.

Nhà trường liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Do nhu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Thiết kế và chế tạo cơ khí những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

#### **4.1.2 Những điểm mạnh, điểm tồn tại**

*\* Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kỳ đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn tốt và bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy, chuyển giao công nghệ và NCKH thuộc lĩnh vực Thiết kế cơ khí.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Phòng thí nghiệm với trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành, thí nghiệm và thực tập của sinh viên.

*\* Những điểm tồn tại:*

- ✓ Chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết kế và chế tạo cơ khí chưa cập nhật kịp những tiến bộ khoa học kỹ thuật nên chưa theo kịp sự phát triển nhanh của thị trường, chưa chuẩn kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu nhân lực của thị trường lao động, ...
- ✓ Với đặc thù là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.
- ✓ Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

#### **4.1.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kỳ và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiến tiến trên thế giới.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm và khả năng làm việc nhóm cho sinh viên.

### **4.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy**

#### **4.2.1 Mô tả thực trạng**

Chương trình đào tạo chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 153 tín chỉ. Với mục đích tăng phần kỹ năng thực hành, thí nghiệm và làm bài tập lớn để đáp ứng với yêu cầu của nhà tuyển dụng trong khi đó khối lượng lý thuyết và học phí vẫn giữ nguyên thì từ khóa K53 (tuyển sinh năm 2017) nhà trường đã tăng số tín chỉ lên 178.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các môn khoa học cơ bản như toán học, hóa học, vật lý, triết học, v.v; kiến thức cơ sở cốt lõi của ngành kỹ thuật cơ khí và kiến thức chuyên ngành về thiết kế, chế tạo máy; áp dụng để trình bày và giải quyết các vấn đề kỹ thuật một cách sáng tạo thông qua việc sử dụng phương pháp và kỹ thuật, như: tổng hợp, phân tích, tính toán, thiết kế và chế tạo.

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học kỹ thuật cho người học có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường. Chương trình đào tạo liên tục được rà soát, bổ sung và cập nhật.

Nhà trường luôn chú trọng chất lượng và nội dung, đề cương chi tiết của chương trình đào tạo. Hàng năm đều có sự điều chỉnh bổ sung vào đề cương chi tiết của các học phần như đội ngũ giảng viên giảng dạy lý thuyết, đội ngũ giảng viên thực hành và nội dung chi tiết của học phần nếu có điều chỉnh.

Bên cạnh đó, nhà trường đã xây dựng kế hoạch định kì sau 01 khóa học có sự đánh giá, điều chỉnh và bổ sung để chương trình đào tạo đáp ứng được chuẩn kiến thức và cải tiến chất lượng để sát với nhu cầu thực tiễn.

Do yêu cầu của thị trường lao động, chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn, việc này đòi hỏi nhà trường phải liên tục xây dựng các chiến dịch quảng bá ngành nghề đào tạo.

#### **4.2.2 Những điểm mạnh, điểm tồn tại**

*\* Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo thường xuyên được rà soát, cập nhật, bổ sung đảm bảo nền tảng khoa học kỹ thuật cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường. Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm trong giảng dạy, chuyên giao công nghệ và NCKH thuộc lĩnh vực Cơ khí chế tạo.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên. Phòng thí nghiệm được đầu tư trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành, thí nghiệm và thực tập của sinh viên.

*\* Những điểm tồn tại:*

- ✓ Chương trình đào tạo chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy chưa cập nhật kịp những tiến bộ khoa học kỹ thuật do vậy chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, ...
- ✓ Phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc có trình độ không đồng đều nên khó khăn trong quá trình học tập.
- ✓ Kỹ năng mềm và khả năng làm việc theo nhóm của sinh viên còn hạn chế.

#### **4.2.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng**



Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu của nhà tuyển dụng, trên cơ sở đó tiến hành đánh giá định kì và điều chỉnh chương trình đào tạo được tham khảo từ ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm và khả năng làm việc nhóm cho sinh viên.

### **4.3 Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật gia công tạo hình**

#### **4.3.1 Mô tả thực trạng**

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật gia công tạo hình được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 154 tín chỉ. Với mục đích tăng phần kỹ năng thực hành, thí nghiệm và làm bài tập lớn để đáp ứng với yêu cầu của nhà tuyển dụng trong khi đó khối lượng lý thuyết và học phí vẫn giữ nguyên thì từ khóa K53 (tuyển sinh năm 2017) nhà trường đã tăng số tín chỉ lên 178.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật gia công tạo hình cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về công nghệ cán thép. Ứng dụng để xác định, trình bày và giải quyết các vấn đề liên quan đến công nghệ cán và kỹ thuật tạo hình thông qua việc sử dụng các phương pháp và kỹ thuật, như: tính toán, thiết kế, mô phỏng, phân tích và thử nghiệm.

Chương trình cung cấp những kiến thức vững chắc để người học có đủ điều kiện tiếp tục theo học chương trình sau Đại học.

Chương trình có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cho người học.

Chuyên ngành Kỹ thuật gia công tạo hình những năm tuyển sinh gần đây gặp không ít khó khăn do việc tư vấn và quảng bá chuyên ngành chưa được thực hiện đầy đủ và kịp thời.

#### **4.3.2 Những điểm mạnh, điểm tồn tại**

*\* Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

*\* Những điểm tồn tại:*

- ✓ Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật gia công tạo hình chưa cập nhật kịp những tiến bộ khoa học kỹ thuật của xã hội do vậy chưa theo kịp sự

phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, ...

- ✓ Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.
- ✓ Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

#### **4.3.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

### **4.4 Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ - điện tử**

#### **4.4.1 Mô tả thực trạng**

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ - điện tử được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 153 tín chỉ. Với mục đích tăng phần kỹ năng thực hành, thí nghiệm và làm bài tập lớn để đáp ứng với yêu cầu của nhà tuyển dụng trong khi đó khối lượng lý thuyết và học phí vẫn giữ nguyên thì từ khóa K53 (tuyển sinh năm 2017) nhà trường đã tăng số tín chỉ lên 172.

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ - điện tử cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về kỹ thuật cơ điện tử, áp dụng để trình bày và giải quyết các vấn đề kỹ thuật một cách sáng tạo thông qua việc sử dụng các phương pháp và kỹ thuật, như: tổng hợp, phân tích, tính toán, thiết kế và chế tạo.

Chương trình liên tục được cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì. Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

#### **4.4.2 Những điểm mạnh, điểm tồn tại**

*\* Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục rà soát, cập nhật, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi tốt nghiệp. Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.

Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao và có kinh nghiệm trong giảng dạy, chuyển giao công nghệ và NCKH thuộc lĩnh vực Cơ điện tử.

Có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Có phòng thí nghiệm với các trang thiết bị đáp ứng nội dung thực hành và thực tập của sinh viên.

*\* Những điểm tồn tại:*

- ✓ Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ - điện tử chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thị trường, chưa cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng theo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.
- ✓ Với đặc thù của trường là đào tạo phần lớn sinh viên ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nên trình độ không đồng đều.
- ✓ Kỹ năng mềm của sinh viên ra trường còn hạn chế.

#### **4.4.3 Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn dựa trên chất lượng đầu vào và đầu ra. Nhu cầu của thị trường lao động trên cơ sở đó có đánh giá định kì và điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp và ý kiến phản hồi từ phía người dạy, người học và thị trường lao động.

Tiếp tục rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo hướng tích cực hóa, có sự tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới.

Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giờ giảng, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giờ giảng với 100% giáo viên và các môn học.

Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên.

### **4.5 Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ khí động lực**

#### **4.5.1 Mô tả thực trạng**

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ khí động lực được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa học là 154 tín chỉ. Với mục đích tăng phân kỹ năng thực hành, thí nghiệm và làm bài tập lớn để đáp ứng với yêu cầu của nhà tuyển dụng trong khi đó khối lượng lý thuyết và học phí vẫn giữ nguyên thì từ khóa K53 (tuyển sinh năm 2017) nhà trường đã tăng số tín chỉ lên 178.

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ khí động lực cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về kỹ thuật ô tô và máy động lực; áp dụng để giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong thiết kế, chế tạo, khai thác, sử dụng, bảo trì.

Chương trình cung cấp những kiến thức vững chắc để người học có đủ điều kiện tiếp tục theo học chương trình sau Đại học.

Chương trình có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cho người học.

#### **4.5.2 Những điểm mạnh, điểm tồn tại**

*\* Những điểm mạnh:*

Chương trình có cấu trúc hợp lý, cân đối giữa lý thuyết với thực hành và bài tập thảo luận; chương trình đào tạo liên tục cập nhật, rà soát, bổ sung theo định kì đảm bảo nền tảng khoa học cho sinh viên có nhu cầu học tiếp cũng như đảm bảo thích ứng với công việc sau khi ra trường.

Chương trình đào tạo mềm dẻo, đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội.